Ký bởi: Ủy ban Nhân dân thị xã Bỉm Sơn
Email: bimson@thanhhoa.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thanh Hóa
Thời gian ký: 06.05.2019

ỦY BAN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 805 /UBND-LĐTBXH V/v rà soát, báo cáo số lượng, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các thôn, bản, tổ dân phố sau khi sáp nhập	*Bỉm Sơn, ngày 06 tháng 5 năm 2019*

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 949 /SLĐTBXH-BTXH ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa về việc rà soát, báo cáo số lượng, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các thôn, bản, tổ dân phố sau khi sát nhập. UBND thị xã Bỉm Sơn đã chỉ đạo Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội Thị xã và UBND phường Bắc Sơn rà soát, xác định số lượng, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các tổ dân phố sau khi sáp nhập tại phường Bắc Sơn, kết quả như sau:

(Theo các Phụ lục số 03, 04, 05, 06 gửi kèm)

UBND Thị xã Bỉm Sơn báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa biết để tổng hợp báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Đình Lâm

THỊ XÃ BỈM SƠN

Phụ lục số 03

Tổng hợp tỷ lệ hộ nghèo của các thôn, bản, tổ dân phố sau khi sáp nhập, chia tách, đổi tên

(Kèm theo Công văn số 805/UBND-LĐTBXH ngày 06/5/2019 của UBND thị xã Bỉm Sơn)

TT	Tên huyện	Tên xã, phường	Tên thôn, khu phố trước khi sáp nhập, đổi tên, thành lập mới và tỷ lệ hộ nghèo				Tên thôn, khu phố rà soát sau khi sáp nhập, đổi tên, thành lập mới và tỷ lệ hộ nghèo			
			Tên thôn, bản, khu phố	Số hộ tự nhiên	Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	Tên thôn, bản, khu phố	Số hộ tự nhiên	Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
I	**Thị xã Bỉm Sơn**									
1		**Phường Bắc Sơn**								
			Khu phố 6	129	1	0,78	Khu phố 6	255	5	1,96
			Khu phố 7	126	4	3,17				
			Khu phố 10	168	3	1,79	Khu phố 10	294	6	2,04
			Khu phố 11	126	3	2,38				

THỊ XÃ BỈM SƠN

Phụ lục số 04

Tổng hợp tỷ lệ hộ cận nghèo của các thôn, bản, tổ dân phố sau khi sáp nhập, chia tách, đổi tên

(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTBXH ngày 06/5/2019 của UBND thị xã Bỉm Sơn)

TT	Tên huyện	Tên xã, phường	Tên thôn, khu phố trước khi sáp nhập, đổi tên, thành lập mới và tỷ lệ hộ cận nghèo				Tên thôn, khu phố rà soát sau khi sáp nhập, đổi tên, thành lập mới và tỷ lệ hộ cận nghèo			
			Tên thôn, bản, khu phố	Số hộ tự nhiên	Số hộ cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo	Tên thôn, bản, khu phố	Số hộ tự nhiên	Số hộ cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
I	**Thị xã Bỉm Sơn**									
1		**Phường Bắc Sơn**								
			Khu phố 6	129	3	2,33	Khu phố 6	255	7	2,75
			Khu phố 7	126	4	3,17				
			Khu phố 10	168	3	1,79	Khu phố 10	294	9	3,06
			Khu phố 11	126	6	4,76				

THỊ XÃ BỈM SƠN

Phụ lục số 05

Danh sách hộ nghèo thuộc thôn, bản, tổ dân phố sau khi sáp nhập

(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTBXH ngày 06/5/2019 của UBND thị xã Bỉm Sơn)

Số TT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
I	**Khu phố 6**					
1	Lê Thị Tình	Nữ	1/7/1965	Kinh	Khu phố 6	
2	Trần Thị Thanh Tâm	Nữ	7/5/1982	Kinh	Khu phố 6	
3	Mai Thị Hương	Nữ	17/12/1958	Kinh	Khu phố 6	
4	Nguyễn Thị Minh	Nữ	5/12/1965	Kinh	Khu phố 6	
5	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	30/12/1990	Kinh	Khu phố 6	
II	**Khu phố 10**					
1	Hoàng Thị Huệ	Nữ	25/2/1969	Kinh	Khu phố 10	
2	Nguyễn Văn Dũng	Nam	19/9/1987	Kinh	Khu phố 10	
3	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Nữ	1/8/1987	Kinh	Khu phố 10	
4	Lê Đức Cường	Nam	4/12/1984	Kinh	Khu phố 10	
5	Nguyễn Thị Uyên	Nữ	12/2/1952	Kinh	Khu phố 10	
6	Đỗ Như Kệnh	Nam	25/8/1978	Kinh	Khu phố 10	

THỊ XÃ BỈM SƠN

Phụ lục số 06

Danh sách hộ cận nghèo thuộc thôn, bản, tổ dân phố sau khi sáp nhập

(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTBXH ngày 06/5/2019 của UBND thị xã Bỉm Sơn)

Số TT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
I	**Khu phố 6**					
1	Nguyễn Thị Bích	Nữ	12/9/1972	Kinh	Khu phố 6	
2	Nguyễn Thị Hà	Nữ	1987	Kinh	Khu phố 6	
3	Nguyễn Thị Chưởng	Nữ	26/12/1959	Kinh	Khu phố 6	
4	Nguyễn Văn Giáp	Nam	1974	Kinh	Khu phố 6	
5	Dương Thị Hương	Nữ	9/10/1965	Kinh	Khu phố 6	
6	Bùi Thị Thận	Nữ	12/11/1954	Kinh	Khu phố 6	
7	Vũ Thị Doan	Nữ	11/9/1949	Kinh	Khu phố 6	
II	**Khu phố 10**					
1	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	1955	Kinh	Khu phố 10	
2	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	20/12/1978	Kinh	Khu phố 10	
3	Hoàng Thị Lý	Nữ	10/10/1960	Kinh	Khu phố 10	
4	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	10/8/1977	Kinh	Khu phố 10	
5	Vũ Thị Lẹp	Nữ	10/5/1960	Kinh	Khu phố 10	
6	Lại Thị Hòe	Nữ	10/3/1959	Kinh	Khu phố 10	
7	Nguyễn Thị Dân	Nữ	17/7/1952	Kinh	Khu phố 10	
8	Mai Xuân Vương	Nam	1/8/1977	Kinh	Khu phố 10	
9	Hoàng Thị Hồng Chiên	Nữ	20/2/1972	Kinh	Khu phố 10	